

Số: 04/2022/QĐST-DS

Giá Rai, ngày 25 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Bà B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm B, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông C, sinh năm 1949

- Bà D, sinh năm 1952

- Bà Y, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C, bà Y: Ông A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về diện tích đất tranh chấp:

Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 2.7m², thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ 49, đất toạ lạc tại Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

do ông A đứng tên đăng ký sổ mục kê (*hệ thống bản đồ chính quy dự án 750*) cho bà B được quyền quản lý sử dụng, có vị trí số đo tứ cạnh cụ thể như sau:

- + Hướng đông giáp phần đất ông A đang quản lý sử dụng, có số đo 21.9m;
- + Hướng tây giáp phần đất bà B đang quản lý sử dụng, có số đo 21.90m;
- + Hướng nam giáp đường bê tông, có số đo 0.15m;
- + Hướng bắc giáp quốc lộ 1A, có số đo 0.10m

Bà B được quyền liên hệ cơ quan chuyên môn để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

2.2. Các công trình kiến trúc trên phần đất tranh chấp do bà B xây dựng được giữ nguyên, tiếp tục giao cho bà B quản lý sử dụng.

Mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp, ngày 31/12/2019 và mặt bằng T/L 1/100 (bản vẽ hiện trạng công trình kiến trúc trên phần đất tranh chấp) là một phần không thể tách rời quyết định này.

2.3. Bà B có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.7m² cho ông A và bà Y số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp 4.600.000 đồng: Ông A và bà B thống nhất mỗi người chịu 2.300.000 đồng. Ông A đã nộp 4.600.000 đồng, buộc bà B có trách nhiệm trả lại cho ông A 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông A và bà B mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Ông A tự nguyện nộp toàn bộ. Ông A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012962 ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, ông A được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy